

ÔN TẬP: ĐỊA LÝ 9

CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA LÝ DÂN CƯ

Nội dung 1: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam

1. Kiến thức

- Nêu được một số đặc điểm về dân tộc
- Biết được các dân tộc có trình độ phát triển kinh tế khác nhau, chung sống đoàn kết, cùng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Trình bày được sự phân bố các dân tộc ở nước ta.

2. Kỹ năng.

- Phân tích bảng số liệu, biểu đồ về số dân phân theo thành phần dân tộc để thấy được các dân tộc có số dân rất khác nhau, dân tộc Kinh chiếm khoảng 4/5 số dân cả nước..

Nội dung 2: Dân số và gia tăng dân số.

1. Kiến thức.

Trình bày được một số đặc điểm dân số nước ta, nguyên nhân và hậu quả.

2. Kỹ năng.

- Phân tích biểu đồ dân số, bảng số liệu về cơ cấu dân số Việt Nam.

Nội dung 3: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.

1. Kiến thức.

- Trình bày được tình hình phân bố dân cư nước ta.
- Phân biệt được các loại hình quần cư thành thị và nông thôn theo chức năng và hình thái quần cư.
- Nhận biết quá trình đô thị hóa ở nước ta.

2. Kỹ năng.

- Sử dụng bản đồ, lược đồ phân bố dân cư và đô thị hoặc atlas Địa lý Việt Nam để nhận biết sự phân bố dân cư, đô thị ở nước ta.
- Phân tích các bảng số liệu về mật độ dân số của các vùng, số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở nước ta.

Nội dung 4: Lao động và việc làm, chất lượng cuộc sống.

1. Kiến thức.

- Trình bày được đặc điểm về nguồn lao động và việc sử dụng lao động
- Biết được sức ép của dân số đối với việc giải quyết việc làm.
- Trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở nước ta.

2. Kỹ năng.

- Phân tích biểu đồ, bảng số liệu về cơ cấu lao động phân theo thành thị, nông thôn, theo đào tạo, cơ cấu sử dụng lao động theo ngành, cơ cấu sử dụng lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta.

CHỦ ĐỀ 2: ĐỊA LÝ KINH TẾ

Nội dung 1: Quá trình phát triển kinh tế

1. Kiến thức:

- Thấy được chuyển dịch cơ cấu kinh tế là nét đặc trưng của công cuộc đổi mới, thành tựu và thách thức.

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

+ Chuyển dịch cơ cấu ngành

2. Kỹ năng.

- Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê để nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.

- Đọc bản đồ, lược đồ các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm để nhận biết vị trí các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta.

Nội dung 2: Ngành nông nghiệp.

1. Kiến thức.

- Phân tích được các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của sản xuất nông nghiệp

2. Kỹ năng.

- Phân tích bản đồ, lược đồ nông nghiệp hoặc atlas Địa lý Việt Nam và bảng phân bố cây công nghiệp để thấy rõ sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chủ yếu ở nước ta.

Nội dung 3: Ngành lâm nghiệp và thủy sản.

1. Kiến thức.

- Trình bày được thực trạng và phân bố ngành lâm nghiệp của nước ta, vai trò của từng loại rừng.

- Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành thủy sản.

2. Kỹ năng.

- Phân tích bản đồ, lược đồ lâm nghiệp, thủy sản hoặc atlas Địa lí Việt Nam để thấy rõ sự phân bố của các loại rừng, bãi tôm, cá, vị trí các ngư trường trọng điểm.

- Phân tích bảng số liệu, biểu đồ để hiểu và trình bày sự phát triển của lâm nghiệp, thủy sản.

Nội dung 4: Ngành công nghiệp.

1. Kiến thức.

- Phân tích các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

- Trình bày được tình hình phát triển và một số thành tựu của sản xuất công nghiệp.

- Biết sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm.

2. Kỹ năng.

- Phân tích biểu đồ để thấy rõ nước ta có cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng.

- Phân tích các bản đồ, lược đồ công nghiệp để thấy rõ sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm, các trung tâm công nghiệp ở nước ta.

- Xác định trên bản đồ (lược đồ) Công nghiệp Việt Nam hai khu vực tập trung công nghiệp lớn là Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng, hai trung tâm công nghiệp lớn là TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội.

Nội dung 5: Ngành dịch vụ.

1. Kiến thức.

- Biết được cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ.

- Biết được đặc điểm phân bố các ngành dịch vụ nói chung

- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành dịch vụ: Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch.

2. Kỹ năng

- Phân tích số liệu biểu đồ, lược đồ giao thông để nhận biết cơ cấu và sự phát triển của ngành dịch vụ ở nước ta.

- Xác định trên bản đồ (lược đồ) một số tuyến đường giao thông quan trọng, một số sân bay, bến cảng lớn.

+ Các quốc lộ số 1A, đường Hồ Chí Minh, 5, 6, 22 ... đường sắt thống nhất

+ Các sân bay quốc tế: Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh

+ Các cảng lớn: Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn.

CHỦ ĐỀ 3: SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ

Nội dung 1: Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ

1. Kiến thức.

- Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng, thể hiện ở một số ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, sự phân bố của các ngành đó.

- Nêu được tên các trung tâm kinh tế và các ngành kinh tế của từng trung tâm.

2. Kỹ năng.

- Xác định trên bản đồ, lược đồ vị trí, giới hạn của vùng

- Phân tích các bản đồ (lược đồ) địa lý tự nhiên, kinh tế vùng trung du và miền núi Bắc Bộ để hiểu và trình bày đặc điểm tự nhiên, phân bố một số khoáng sản, phân bố của các ngành kinh tế công nghiệp, nông nghiệp của vùng.

- Phân tích các bảng số liệu để hiểu và trình bày đặc điểm dân cư xã hội, tình hình phát triển kinh tế của trung du và miền núi bắc bộ.

Nội dung 2: Vùng đồng bằng sông hồng

1. Kiến thức.

- Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế xã hội.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được tình hình phát triển kinh tế

- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn.

- Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm bắc bộ.

2. Kỹ năng.

- Xác định trên bản đồ, lược đồ, vị trí, giới hạn của vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

- Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê để hiểu và trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội và sự phát triển kinh tế của vùng.

- Sử dụng các bản đồ, lược đồ đại lý tự nhiên, kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng để thấy rõ sự phân bố tài nguyên và các ngành kinh tế của vùng.

Nội dung 3: Vùng bắc trung bộ.

1. Kiến thức.

- Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý kiến của chúng đối với việc phát triển kinh tế xã hội.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển của vùng.

- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất chủ yếu ở Bắc Trung Bộ.

- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn và chức năng chủ yếu của từng trung tâm.: Thanh Hóa, Vinh, Huế.

2. Kỹ năng:

- Xác định được trên bản đồ, lược đồ vị trí, giới hạn của vùng, các trung tâm công nghiệp của vùng.

- Sử dụng các bản đồ địa lý tự nhiên, kinh tế vùng Bắc Trung Bộ để phân tích và trình bày về đặc điểm tự nhiên, phân bố một số ngành sản xuất chủ yếu của vùng Bắc Trung Bộ.

- Phân tích các bảng thống kê để hiểu và trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội, tình hình phát triển một số ngành kinh tế của vùng.

Nội dung 4: Vùng duyên hải nam trung bộ

1. Kiến thức.

- Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng, những thuận lợi, khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế xã hội.

- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội, những thuận lợi, khó khăn của dân cư, xã hội đối với phát triển kinh tế xã hội.

- Trình bày được một số ngành kinh tế tiêu biểu của vùng.

- Nêu được tên các trung tâm kinh tế chính: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang

- Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền trung

2. Kỹ năng.

- Xác định được trên bản đồ, lược đồ vị trí, giới hạn của vùng, vị trí, giới hạn vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, các trung tâm công nghiệp của vùng.

- Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ về dân cư - xã hội, kinh tế của Duyên Hải Nam Trung Bộ.

- Phân tích các bản đồ, lược đồ Địa lý tự nhiên, kinh tế vùng Nam Trung Bộ để nhận biết và trình bày đặc điểm tự nhiên, kinh tế của vùng.

Nội dung 5: Vùng Tây Nguyên

1. Kiến thức.

- Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế xã hội.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi và khó khăn với phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển của vùng.

- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành kinh tế chủ yếu của vùng

- Nêu các trung tâm kinh tế lớn với các chức năng chủ yếu của từng trung tâm: Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, Play Ku

2. Kỹ năng.

- Xác định được trên bản đồ, lược đồ vị trí, giới hạn của vùng, các trung tâm kinh tế, sự phân bố của một số cây công nghiệp (cà phê, ca cao, chè)

- Phân tích các bản đồ Địa lý tự nhiên, kinh tế vùng Tây Nguyên và số liệu thống kê để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất của vùng.

Nội dung 6: Vùng Đông Nam Bộ

1. Kiến thức.

- Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng, những thuận lợi và khó khăn của chúng đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội của vùng và tác động của chúng tới sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế của vùng.

- Nêu được tên các trung tâm kinh tế

- Nhận biết được vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

2. Kỹ năng:

- Xác định được trên bản đồ, lược đồ vị trí, giới hạn của vùng, các trung tâm kinh tế lớn, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Phân tích các bản đồ, lược đồ Địa lý tự nhiên, kinh tế vùng Đông Nam Bộ để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư và phân bố một số ngành sản xuất của vùng.
- Phân tích các bảng số liệu thống kê để biết đặc điểm dân cư, xã hội, tình hình phát triển một số ngành kinh tế của vùng

Nội dung 7: Vùng đồng bằng sông Cửu Long

1. Kiến thức.

- Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa đối với việc phát triển kinh tế - xã hội.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và tác động của chúng đối với phát triển kinh tế - xã hội.
- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và tác động của chúng tới sự phát triển kinh tế của vùng.
- Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế của vùng.
- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn: Cần Thơ (lớn nhất), Mỹ Tho, Long Xuyên, Cà Mau

2. Kỹ năng

- Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ (lược đồ)
- Phân tích bản đồ, lược đồ địa lý tự nhiên, địa lý kinh tế vùng Đồng Bằng sông Cửu Long và số liệu thống kê để hiểu và trình bày đặc điểm kinh tế của vùng.

Nội dung 8: Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển, đảo.

1. Kiến thức.

- Biết được các đảo và quần đảo lớn (tên, vị trí)
- Phân tích được ý nghĩa kinh tế của biển, đảo đối với việc phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng
- Trình bày các hoạt động khai thác tài nguyên biển, đảo và phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- Trình bày đặc điểm tài nguyên và môi trường biển, đảo, một số biện pháp bảo vệ tài nguyên biển đảo.

2. Kỹ năng.

- Xác định được vị trí, phạm vi vùng biển Việt Nam.
- Kể tên và xác định được trên bản đồ vị trí một số đảo và quần đảo lớn từ Bắc vào nam (Cát Bà, Cái Bầu, Bạch Long Vĩ, Côn Cỏ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Thổ Chu, quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa)
- Phân tích bản đồ (lược đồ), sơ đồ, số liệu thống kê để nhận biết tiềm năng kinh tế biển, đảo của Việt Nam, tình hình phát triển của ngành dầu khí ở nước ta.

CHỦ ĐỀ 4: ĐỊA LÝ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NAM ĐỊNH

Nội dung 1: Vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ của tỉnh

1. Kiến thức.

- Nhận biết vị trí địa lý và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển kinh tế xã hội.
- Nêu được giới hạn, diện tích.

2. Kỹ năng.

- Xác định trên bản đồ, lược đồ vị trí địa lý của tỉnh, các đơn vị hành chính huyện, quận .. của tỉnh.

Nội dung 2: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

1. Kiến thức.

- Trình bày được đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn, đất, thực vật, khoáng sản của tỉnh. Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Kỹ năng.

- Phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ, lược đồ để biết đặc điểm tự nhiên của tỉnh.
- Xác lập mối quan hệ giữa tự nhiên và phát triển kinh tế.

Nội dung 3: Dân cư và lao động.

1. Kiến thức:

- Trình bày được đặc điểm dân cư: Số dân, sự gia tăng dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư.

- Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của dân cư và lao động trong phát triển kinh tế - xã hội.

2. Kỹ năng.

- Phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ, lược đồ để biết đặc điểm dân cư của tỉnh

Nội dung 4: Kinh tế

1. Kiến thức.

- Trình bày và giải thích được những đặc điểm kinh tế của địa phương

2. Kỹ năng:

- Phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ, lược đồ để biết đặc điểm kinh tế của tỉnh

- Xác định trên bản đồ (lược đồ) sự phân bố của một số ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.